

KHÔNG GIAN VĂN HÓA, LỊCH SỬ VÀ KỸ NGHỆ ĐÚC ĐỒNG TỔNG XÁ (Ý YÊN, NINH BÌNH)

MAI THỊ HUYỀN

Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 20/8/2026. Sửa chữa xong 10/9/2026. Duyệt đăng 15/9/2026.

Abstract

This article examines the bronze-casting village of Tống Xá, now located in Ý Yên commune, Ninh Bình province, from the perspectives of history, cultural space, community organization, and metallurgical techniques. Drawing on gazetteers, Hán-Nôm texts, local sources, and studies of the craft, it explores the village's geographical and historical context; its transition from livelihoods combining agriculture and handicrafts to commodity production, mechanical engineering, and metallurgy; community memories of National Preceptor Nguyễn Minh Không and institutions dedicated to the worship of the craft's founding ancestor; and key aspects of mold making and firing, metal melting, alloy formulation, bronze pouring, cold finishing, engraving, and inlaying. It also examines changes in the range of products and the spatial organization of the craft village under market economy conditions. The findings show that bronze casting in Tống Xá is both an economic activity and an integrated sociocultural system in which craft knowledge, community relationships, worship of the craft's founding ancestor, and market forces jointly shape the village's continuity and transformation.

Keywords: Bronze casting, craft village, Nguyễn Minh Không, Tống Xá, Ý Yên.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử hình thành và phát triển của các cộng đồng cư dân châu thổ Bắc Bộ, làng nghề thủ công truyền thống vừa là không gian sản xuất, vừa là nơi tích tụ các lớp ký ức lịch sử, phong tục, tín ngưỡng và tri thức thực hành. Ninh Bình là địa bàn có hệ thống làng nghề phong phú; sự phát triển của các nghề thủ công phản ánh năng lực thích ứng của cư dân nông nghiệp trong quá trình đa dạng hóa sinh kế và chuyên môn hóa cao. Trong hệ thống đó, Tống Xá là địa điểm nổi bật với nghề đúc kim loại. Tư liệu địa phương và các công trình nghiên cứu về nghề truyền thống gắn lịch sử nghề với ký ức về Quốc sư Nguyễn Minh Không đồng thời ghi nhận sự phát triển của sản phẩm đúc từ đồ dùng, nông cụ, đồ tế tự đến tượng và các sản phẩm cơ khí. Từ cuối thế kỷ XX, sự mở rộng của kinh tế thị trường và cơ giới hóa tiếp tục làm thay đổi quy mô sản xuất, kỹ thuật, thị trường và không gian cư trú – sản xuất của làng nghề. Bài viết tập trung vào bốn vấn đề: môi trường địa lý – lịch sử của Tống Xá; sự chuyển dịch của nghề đúc trong cơ cấu sinh kế; vai trò của ký ức Nguyễn Minh Không, dòng họ và tín ngưỡng tổ nghề; và đặc điểm của tri thức kỹ thuật cùng những biến đổi của sản phẩm, thị trường và không gian làng nghề. Trong xử lý tư liệu, bài viết phân biệt giữa dữ liệu có tính thư tịch, truyền thuyết – huyền tích và ký ức cộng đồng, nhằm tránh đồng nhất các lớp tư liệu có giá trị nhận thức khác nhau.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tống Xá trong không gian lịch sử – văn hóa Ý Yên

2.1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Xã Ý Yên nằm ở phía đông nam tỉnh Ninh Bình, được thành lập từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở sắp xếp từ 4 đơn vị hành chính cấp xã cũ là thị trấn Lâm, xã Hồng Quang, xã Yên Phong, xã Yên Khánh. Xã có diện tích tự

(*) Bài viết là một phần nội dung thuộc Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở “Làng đúc đồng ở châu thổ sông Hồng từ thế kỷ XI đến thế kỷ XIX: Trường hợp các làng Tống Xá (Nam Định), Đại Bái (Bắc Ninh), Lộng Thượng (Hưng Yên)”, mã số: VSH/NV/2026-13.

Email: maihuyenncls@gmail.com

nhiên là 46,73 km², quy mô dân số là 53.419 người, giáp các xã Yên Đồng, Vạn Thắng, Vũ Dương, Phong Doanh và phường Hoa Lư. Vị trí của Ý Yên nằm trong không gian chuyển tiếp giữa đồng bằng và vùng ven sông tạo điều kiện cho cư dân duy trì nông nghiệp, đồng thời tham gia các hoạt động thủ công và trao đổi hàng hóa.

Xã Ý Yên hiện nay có hệ thống giao thông thuận lợi với đường cao tốc Cầu Giẽ, cao tốc Cao Bồ - Mai Sơn, đường trục kinh tế biển, Quốc lộ 37, tỉnh lộ 485 và sông Đáy chạy qua địa bàn, rất thuận lợi cho giao thương kinh tế, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ. Trong lịch sử, hệ thống sông Đáy, sông Sắt và mạng lưới thủy lợi có vai trò đối với sản xuất và giao thông của xã. Địa chí triều Nguyễn cũng phản ánh đặc điểm lũ lụt theo mùa của địa bàn hạ lưu (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tr. 387). Đối với nghề đúc, các nguồn nguyên liệu như đất làm khuôn, nhiên liệu và kim loại có thể được huy động thông qua mạng lưới trao đổi; về sau, hệ thống đường bộ và đường cao tốc hiện đại càng làm tăng khả năng tiếp nhận nguyên liệu và phân phối sản phẩm. Điều kiện tự nhiên thuận lợi là một trong những yếu tố tạo môi trường thuận lợi, cho sự hình thành và phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, trong đó có nghề đúc.

2.1.2. Diễn cách hành chính và trầm tích lịch sử

Lịch sử Ý Yên trải qua nhiều lần điều chỉnh đơn vị hành chính. Dưới triều Nguyễn, năm Minh Mệnh thứ 3 (1822), trấn Sơn Nam Hạ đổi thành trấn Nam Định; năm Minh Mệnh thứ 12 (1831), tỉnh Nam Định được thành lập, huyện Ý Yên và huyện Phong Doanh thuộc phủ Nghĩa Hưng, Tổng Xá khi ấy thuộc về huyện Phong Doanh (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tr. 382–383). Năm Tự Đức thứ 31 (1878), Ý Yên và Phong Doanh được chuyển vào hạt Ninh Bình; những năm sau đó tiếp tục có sự điều chỉnh, đến năm Đồng Khánh thứ 2 (1887) hai huyện được phân tách (Nguyễn Ôn Ngọc, 1893/1997, tr. 67). Dưới thời Pháp thuộc và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Tổng Xá thuộc xã Yên Xá và thị trấn Lâm (huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định). Từ ngày 01/7/2025, xã Ý Yên được thành lập trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị hành chính cấp xã trở thành xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình. Trong các thư tịch triều Nguyễn, đền thờ Thiền sư Minh Không được ghi tại xã Cổ Đàm, huyện Ý Yên; quê của ông được xác định ở Đàm Xá, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tr. 415). Chi tiết này cho thấy ký ức về Minh Không tồn tại trong một không gian văn hóa rộng hơn phạm vi một làng, đồng thời là căn cứ thư tịch quan trọng khi nghiên cứu sự hình thành biểu tượng tổ nghề tại Tổng Xá.

2.2. Từ sinh kế nông nghiệp đến chuyên môn hóa nghề đúc

2.2.1. Nền tảng kinh tế nông nghiệp và sinh kế kết hợp

Kinh tế cư dân Ý Yên trong xã hội truyền thống dựa chủ yếu vào nông nghiệp lúa nước. Trong bối cảnh đó, thủ công nghiệp thường tồn tại gắn với hộ gia đình và chu kỳ mùa vụ. Tổng Xá cũng nằm trong mô hình sinh kế kết hợp này: người dân làm ruộng đồng thời tham gia nghề rèn, đúc và các công việc thủ công nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ và tạo thêm thu nhập. Sự kết hợp giữa nông nghiệp và thủ công là đặc điểm phổ biến của làng nghề đồng bằng Bắc Bộ. Những ghi chép về hoạt động giao thương và đúc tiền dưới thời Đinh – Tiền Lê cho thấy kỹ thuật kim loại đã giữ vị trí đáng kể trong đời sống kinh tế – xã hội Đại Việt. Tuy nhiên, sự tồn tại của nghề luyện kim ở quy mô quốc gia không đủ để khẳng định nghề đúc Tổng Xá đã xuất hiện từ cùng thời kỳ. Đối với lịch sử địa phương, cần dựa vào các cứ liệu trực tiếp hơn và phân biệt giữa lịch sử luyện kim nói chung với lịch sử một cộng đồng nghề cụ thể.

2.2.2. Chuyển dịch sang sản xuất hàng hóa và cơ khí luyện kim

Từ cuối thế kỷ XX, đặc biệt trong bối cảnh Đổi mới, nghề đúc ở Tổng Xá ngày càng tách khỏi mô hình sinh kế thuần túy kết hợp để trở thành hoạt động sản xuất hàng hóa có mức độ chuyên môn hóa cao. Các công trình về Nam Định ghi nhận sự phát triển của mạng lưới làng nghề và sự mở rộng của các cơ sở đúc, cơ khí tại Ý Yên. Sự chuyển dịch thể hiện trên ba phương diện. Thứ nhất, quy mô tổ chức sản xuất tăng từ hộ gia đình lên xưởng, doanh nghiệp và hợp tác xã. Thứ hai, công nghệ được đổi mới với lò điện trung tần, máy móc cơ khí và các dạng khuôn thích hợp với sản xuất công nghiệp (Đào Tố Loan, 2005, tr. 444). Thứ ba, cơ cấu sản phẩm phân hóa: bên cạnh đồ thờ và mỹ nghệ, các cơ sở mở rộng sang phụ tùng, chi tiết máy và sản phẩm cơ khí. Công nghiệp hóa vì vậy không nhất thiết xóa bỏ kỹ thuật truyền thống; hai phương thức có thể cùng tồn tại, trong đó thủ công được duy trì ở những sản phẩm đòi hỏi tạo hình, chạm khắc và hoàn thiện bằng tay.

2.3. Nguyễn Minh Không, tín ngưỡng tổ nghề và cộng đồng thợ đúc

2.3.1. Thiển sư Nguyễn Minh Không trong ký ức và thư tịch

Trong đời sống tín ngưỡng của Tống Xá và nhiều địa phương xứ Nam, Nguyễn Minh Không được suy tôn là Thánh tổ nghề đúc đồng. Tư liệu giới thiệu ông với tên Nguyễn Chí Thành, quê Đàm Xá, Gia Viễn; hành trạng được gắn với đời sống sông nước và quá trình tu hành (Mai Thị Huyền, 2024). Thần tích và các công trình địa chí chứa đựng nhiều chi tiết huyền tích, trong đó Minh Không xuất hiện như một nhân vật có khả năng chữa bệnh, đúc chuông, tạo tượng và truyền nghề. Sách *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược* ghi lại những câu chuyện về việc Nguyễn Chí Thành đi lại giữa Gia Viễn và Tây Chân (Khieu Năng Tĩnh, 1915, tr. 146); *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục* còn lưu bài thơ chữ Hán nhắc đến hành trạng và công đức của ông (Nguyễn Ôn Ngọc, 1893/1997, tr. 102). Những tư liệu này có giá trị trước hết trong việc nhận diện sự lan tỏa của hình tượng Minh Không trong ký ức văn hóa địa phương. Tại Tống Xá, tư liệu *Kỷ niệm nghề đúc gang, đồng, thép ở Tống Xá* ghi rằng năm 1118 Nguyễn Chí Thành về chùa Đường Leo, dạy dân làng nghề đúc và hướng dẫn việc tìm đất sét làm khuôn; sau bảy tháng, người dân đã thành thạo nghề đúc gang và đồng (Dương Minh Đức, không rõ năm, tr. 11). Tư liệu địa phương còn gắn Cầu Hồ với dấu tích lấy đất làm khuôn. Trong khi đó, Đại Nam nhất thống chí xác nhận đến Thiển sư Minh Không ở xã Cổ Đàm, huyện Ý Yên và ghi quê ông ở Đàm Xá, Gia Viễn (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2006, tr. 415). Các nguồn này cho phép khẳng định sự tồn tại của ký ức và thiết chế thờ Minh Không tại khu vực. Sắc phong Khải Định năm thứ 9 (1924) còn lưu tại đền Thánh tổ làng Tống Xá có cụm từ “tiên thánh sư giáo dân tác điển khi” là một tư liệu đáng chú ý về cách cộng đồng và nhà nước quân chủ diễn giải công trạng của vị thần, gắn ông với việc dạy dân làm nông cụ và nghề nghiệp. Đền thờ Thánh tổ vì vậy không chỉ là cơ sở tín ngưỡng mà còn là nơi lưu giữ và tái tạo ký ức nghề nghiệp của cộng đồng.

2.3.2. Dòng họ, truyền nghề và đạo đức cộng đồng

Nghề đúc kim loại đòi hỏi kỹ năng thực hành cao, lao động nặng và sự phối hợp của nhiều công đoạn. Trong điều kiện truyền thống, gia đình và dòng họ là môi trường thuận lợi để truyền kỹ năng, tổ chức lao động và duy trì quan hệ tương trợ. Bản thảo cho biết một số dòng họ ở Tống Xá có vai trò trong hoạt động nghề; tuy nhiên, không nên tuyệt đối hóa mô hình “cha truyền con nối” như cơ chế duy nhất. Tri thức nghề còn được truyền qua nhóm thợ và quan hệ học nghề, đồng thời được điều chỉnh khi sản xuất chuyển sang mô hình doanh nghiệp. Lễ giỗ tổ và các nghi thức thờ Thánh tổ tạo ra không gian biểu tượng chung, qua đó kết nối những người làm nghề với lịch sử cộng đồng. Những chuẩn mực về chữ tín, chất lượng sản phẩm và tương trợ khi gặp rủi ro có thể được xem như các thành tố của đạo đức nghề nghiệp. Đây là khía cạnh quan trọng khi nghiên cứu làng nghề như một thiết chế xã hội, bên cạnh tư cách một địa điểm sản xuất.

2.4. Tri thức kỹ thuật và quy trình đúc đồng truyền thống

2.4.1. Tạo mẫu, tạo khuôn và chèn khuôn

Kỹ thuật đúc truyền thống là chuỗi công đoạn liên hoàn, trong đó chất lượng của mỗi công đoạn ảnh hưởng đến sản phẩm cuối cùng. Đối với tượng và đồ thờ mỹ nghệ, đất khuôn là vật liệu quan trọng. Tư liệu nghề cho biết người thợ sử dụng các lớp đất với đặc tính khác nhau: lớp đất bì mịn, được xử lý để tạo bề mặt khuôn; lớp đất sa có thành phần thô hơn và vật liệu hữu cơ nhằm tăng khả năng chịu lực, thoát khí. Cách xử lý này phản ánh tri thức thực nghiệm về tính dẻo, độ bền và khả năng chịu nhiệt của vật liệu. Chèn khuôn là kỹ thuật quan trọng đối với mẫu có nhiều chi tiết lỗi lôm. Theo tư liệu nghiên cứu nghề, người thợ dùng đất lấp những khoảng có thể gây vướng khi tháo bia khuôn, qua đó đơn giản hóa tạm thời hình khối của mẫu; sau khi tháo khuôn, các miếng chèn được đưa trở lại đúng vị trí để tiếp tục tạo lòng khuôn (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2012, tr. 665). Bản chất của kỹ thuật này nằm ở khả năng hình dung trước trình tự tháo – lắp khuôn, một loại tri thức khó diễn đạt bằng lý thuyết nhưng được tích lũy qua thực hành.

2.4.2. Nung khuôn và kiểm soát nhiệt

Nung khuôn nhằm làm khô vật liệu, giảm hơi nước và khí, đồng thời tạo trạng thái thích hợp trước khi

rót kim loại. Tư liệu nghề nhấn mạnh yêu cầu sấy và tăng nhiệt từ từ, phân bố nhiệt tương đối đều; nguồn này ghi khoảng nhiệt 1.000–1.200°C là mức kết thúc nung trong quy trình được mô tả (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2012, tr. 448). Trong nghề truyền thống, người thợ còn dựa vào màu sắc, trạng thái vật liệu, thời gian nung và kinh nghiệm để đánh giá mức độ đạt yêu cầu. Khi công nghệ đo nhiệt độ được đưa vào sản xuất, một phần tri thức cảm quan được thay thế bằng kiểm soát định lượng, nhưng kinh nghiệm về khuôn và tạo mẫu vẫn giữ vai trò quan trọng đối với sản phẩm mỹ nghệ.

2.4.3. Nấu luyện và phối chế hợp kim

Tư liệu nghề ghi nhận sự thay đổi của thiết bị nấu luyện từ lò bể và nổi coi truyền thống đến việc tận dụng vỏ bom phế liệu để chế tạo nổi nấu các mẻ lớn, rồi chuyển sang lò điện trung tần trong giai đoạn hiện đại (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2012, tr. 251). Chuỗi biến đổi này cho thấy khả năng thích ứng của người thợ trước điều kiện nguyên liệu, nhiên liệu và yêu cầu về quy mô sản xuất.

2.4.4. Rót đồng, sửa nguội và chạm khắc

Sau khi khuôn và kim loại đạt trạng thái thích hợp, công đoạn rót yêu cầu dòng kim loại liên tục và thao tác chính xác. Tư liệu nghiên cứu nghề mô tả việc sử dụng muôi cán dài và thao tác rót dứt khoát để hạn chế khuyết tật (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2012, tr. 255–256). Sau khi nguội và phá khuôn, sản phẩm được làm sạch, sửa nguội, đục, dũa và tỉa chi tiết. Đối với tượng, công đoạn hoàn thiện bề mặt có ý nghĩa đặc biệt vì quyết định nhiều đến đường nét và thần thái của hình tượng. Chạm khắc tam khí và ngũ khí là nhóm kỹ thuật làm tăng giá trị thẩm mỹ của đồ đồng. Người thợ tạo rãnh trên nền đồng rồi cán các kim loại khác màu; sau đó tán và hoàn thiện bề mặt. Kỹ thuật lên màu cũng góp phần tạo sắc thái riêng cho sản phẩm. Những công đoạn này cho thấy giá trị của đồ đồng Tống Xá nằm không chỉ ở vật liệu và khả năng đúc mà còn ở hệ thống tri thức tạo hình, hoàn thiện và trang trí được truyền trong cộng đồng nghề.

2.5. Sản phẩm và giá trị văn hóa của đồ đồng Tống Xá

2.5.1. Các nhóm sản phẩm

Sản phẩm Tống Xá có thể quy về ba nhóm chính. Nhóm thứ nhất là đồ tế tự và đồ thờ như đỉnh đồng, lư hương, chân nến, mâm bồng, lọ hoa, ống hương và bát biểu; đây là nhóm sản phẩm gắn với gia đình, nhà thờ họ và cơ sở tín ngưỡng (Đỗ Đình Thọ et al., 2010, tr. 70). Nhóm thứ hai là pháp khí Phật giáo và sản phẩm âm thanh bằng đồng như chuông, khánh. Nhóm thứ ba là tượng tròn, tượng Phật, tượng danh nhân và các công trình tượng có quy mô lớn. Trong giai đoạn hiện đại, bên cạnh sản phẩm mỹ nghệ, nghề còn mở rộng sang đúc chi tiết cơ khí. Sự đa dạng của sản phẩm phản ánh khả năng thích ứng với nhu cầu xã hội. Đồ thờ dựa vào thị trường tín ngưỡng và gia đình; tượng, chuông và công trình lớn mở rộng sang thị trường văn hóa – tâm linh; sản phẩm cơ khí gắn với nhu cầu công nghiệp. Sự phân hóa này giúp nghề duy trì thị trường trong điều kiện nhu cầu và phương thức tiêu dùng thay đổi.

2.5.2. Hoa văn và giá trị biểu tượng

Hoa văn trên đồ đồng Tống Xá thuộc hệ thống mô típ phổ biến của mỹ thuật truyền thống Việt Nam, gồm lưỡng long chầu nguyệt, tứ linh, tứ quý và chữ Hán cát tường. Các đồ án này mang nhiều lớp nghĩa liên quan đến quyền uy, phúc lộc, trường tồn, phẩm chất của người quân tử và sự linh thiêng. Giá trị của hoa văn không chỉ nằm ở ý nghĩa biểu tượng mà còn ở cách người thợ điều chỉnh bố cục theo hình dáng vật thể. Đỉnh đồng, chuông, lư hương hay tượng có yêu cầu khác nhau về tỷ lệ, độ nổi và khả năng đọc hình. Vì vậy, chạm khắc là sự kết hợp giữa tri thức vật liệu, kỹ năng công cụ và cảm quan thẩm mỹ. Đồ đồng Tống Xá cần được nhìn nhận đồng thời như sản phẩm sử dụng và như một hình thức biểu đạt văn hóa.

2.6. Thị trường, biến đổi không gian và những vấn đề đặt ra

2.6.1. Mở rộng thị trường và sản phẩm

Sự phát triển của nghề đúc gắn với khả năng mở rộng thị trường. Đồ thờ, tượng và sản phẩm mỹ nghệ được tiêu thụ ở nhiều địa phương; những đơn hàng công trình lớn đòi hỏi cơ sở sản xuất huy động lao động, thiết bị và tổ chức quy trình ở quy mô vượt hộ gia đình. Bản thảo ghi nhận sản phẩm và công trình của nghề nhân Tống Xá hiện diện tại một số cơ sở văn hóa – tín ngưỡng lớn. Những thông

tin cụ thể về quy mô xuất khẩu và số lượng thị trường quốc tế cần được đối chiếu với thống kê thương mại hoặc hồ sơ doanh nghiệp trước khi sử dụng như dữ liệu định lượng. Thị trường mở rộng đồng thời làm thay đổi tính chất sản phẩm. Đồ đồng không chỉ phục vụ nghi lễ và thờ tự mà còn trở thành hàng hóa mỹ nghệ, quà tặng, vật trang trí và sản phẩm phục vụ các công trình văn hóa – tâm linh.

2.6.2. Biến đổi không gian và thách thức bảo tồn

Quá trình cơ giới hóa làm chuyển dịch không gian sản xuất từ sân, vườn và xưởng hộ gia đình sang nhà xưởng và khu sản xuất tập trung. Cùng với đó, quan hệ lao động chuyển dần từ quan hệ thân tộc và học nghề sang hợp đồng, thuê mướn và phân công chuyên môn. Đây là biến đổi phù hợp với yêu cầu của sản xuất hàng hóa nhưng cũng làm giảm vai trò của một số cơ chế truyền nghề truyền thống. Một vấn đề đặt ra là quan hệ giữa thương mại hóa và tính xác thực của kỹ nghệ. Nếu các công đoạn tạo khuôn đất, chạm khảm và hoàn thiện thủ công bị thu hẹp do yêu cầu sản xuất nhanh, một phần tri thức nghề có nguy cơ suy giảm. Ngược lại, duy trì toàn bộ quy trình thủ công cho mọi sản phẩm cũng khó đáp ứng thị trường hiện đại. Do đó, bảo tồn cần tập trung nhận diện những kỹ năng và công đoạn có giá trị di sản, đồng thời cho phép cơ giới hóa ở những khâu phù hợp. Môi trường và an toàn lao động cũng là vấn đề cần được quan tâm. Hoạt động nấu luyện và xử lý bề mặt kim loại có thể phát sinh bụi, khí thải và chất thải; mức độ tác động cụ thể cần được đánh giá bằng khảo sát môi trường chuyên môn.

3. Kết luận

Tổng Xá là trường hợp tiêu biểu cho mối quan hệ giữa nghề thủ công, lịch sử cộng đồng và biến đổi kinh tế ở đồng bằng Bắc Bộ. Nghề đúc phát triển trong nền tảng sinh kế nông nghiệp kết hợp, sau đó từng bước chuyên môn hóa và chuyển sang sản xuất hàng hóa. Trong quá trình ấy, kỹ thuật, quan hệ cộng đồng, tín ngưỡng tổ nghề và thị trường tương tác với nhau, tạo nên một không gian nghề nghiệp có tính liên tục nhưng không bất biến. Ký ức về Nguyễn Minh Không giữ vị trí nổi bật trong việc kiến tạo bản sắc cộng đồng. Các thư tịch địa phương, chính sử triều Nguyễn, sắc phong và tư liệu nghề cho thấy sự hiện diện bền vững của hình tượng Minh Không trong đời sống tín ngưỡng. Về kỹ thuật, giá trị nổi bật của nghề nằm ở hệ thống tri thức thực hành từ tạo mẫu, làm khuôn, chèn khuôn, nung khuôn, nấu luyện, rót đồng, sửa nguội đến chạm khảm và hoàn thiện bề mặt. Đây là tri thức được tích lũy qua kinh nghiệm và truyền qua các thế hệ. Sự xuất hiện của công nghệ hiện đại không làm mất hoàn toàn kỹ nghệ truyền thống mà tạo ra sự phân hóa giữa sản xuất công nghiệp và những sản phẩm cần nhiều lao động thủ công. Về kinh tế – xã hội, Tổng Xá đã chuyển từ mô hình hộ gia đình kết hợp nông nghiệp và thủ công sang mô hình sản xuất hàng hóa với nhà xưởng, doanh nghiệp và thị trường rộng hơn. Quá trình này nâng cao năng lực sản xuất nhưng đồng thời đặt ra những vấn đề về truyền nghề, cảnh quan, môi trường và bản sắc. Vì vậy, bảo tồn làng nghề không nên chỉ giới hạn ở di tích hay sản phẩm tiêu biểu, mà cần chú ý cả tri thức, kỹ năng, không gian thực hành và ký ức cộng đồng. Việc tư liệu hóa kỹ thuật, hỗ trợ truyền nghề, quy hoạch không gian sản xuất an toàn và gắn sản phẩm thủ công với phát triển văn hóa – du lịch là những hướng có thể tiếp tục nghiên cứu và triển khai trên cơ sở khảo sát thực địa, hồ sơ di sản và đánh giá chuyên môn.

Tài liệu tham khảo

- Đào Tố Loan (chủ biên, 2005). *Nam Định – Thế và lực mới trong thế kỷ XXI*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Dương Minh Đức (không rõ năm). *Tập sách kỷ niệm nghề đúc gang, đồng, thép ở Tổng Xá* [Tài liệu đánh máy lưu hành nội bộ]. Đền Tổng Xá.
- Đỗ Đình Thọ, Lưu Tuấn Hùng, Nguyễn Văn Nhiên, Hồ Đức Thọ, Trần Đăng Ngọc, & Thành Nam (2010). *Nghề và làng nghề truyền thống ở Nam Định*. NXB Lao động.
- Khiếu Năng Tĩnh (1915). *Tân biên Nam Định tỉnh địa dư chí lược*. Phòng Địa chí – Thư mục, Thư viện tỉnh Nam Định.
- Mai Thị Huyền (2024). Dấu ấn của Thiến sư Nguyễn Minh Không (1065–1141) tại Nam Định. *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, 7(187), 10–15. <https://tapchingnghiencuuphathoc.vn/thien-su-nguyen-minh-khong-1065-1141.html>.
- Nguyễn Ôn Ngọc (1997). *Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục* (Phòng Địa chí, Thư viện tỉnh Nam Định, dịch; nguyên tác xuất bản năm 1893).
- Quốc sử quán triều Nguyễn (2006). *Đại Nam nhất thống chí* (tập 3). NXB Thuận Hóa.
- Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Nghiên cứu Văn hóa (2012). *Tổng tập nghề và làng nghề truyền thống Việt Nam* (tập 2). NXB Khoa học Xã hội.